TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2022.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải.

Bà Nguyễn Thị Phương Thúy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm G, xã K, huyện B, tỉnh Thái Nguyên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Thanh D, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm G, xã K, huyện B, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Số 67, đường N, thành phố C, nước M.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Thanh D kết hôn năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam và có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau một thời gian chung sống vợ chồng có bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên tranh cãi với nhau.Đầu năm 2021chị D đi lao động xuất khẩu ở nước M. Từ khi đi đến nay vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân này được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Hoàng Hạnh V, sinh ngày 11/8/2016. Do anh phải đi làm ăn xa nhà không trực tiếp chăm sóc con chung được, thực tế con chung Hoàng Hạnh V đang ở cùng ông bà ngoại (bố mẹ đẻ) của

chị D chăm sóc. Anh và chị D đã thống nhất, khi ly hôn chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị D sẽ thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trả lời quan điểm giải quyết vụ án ly hôn của bị đơn chị Bùi Thị Thanh D gửi Tòa án nhân dân tỉnh T, Việt Nam. Chị D xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân phù hợp với lời khai của anh Hoàng Văn T. Về quan hệ hôn nhân chị xác định vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh T xin ly hôn chị hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung như anh T đã khai là đúng. Hiện nay Khi ly hôn chị và anh T có thỏa thuận chị D là người nuôi con chung, anh T cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Hiện nay, do chị đang ở nước ngoài không về Việt Nam được nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Bùi Thị Thanh D. Về con chung và cấp dưỡng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Con chung giao chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Tài sản chung, nợ chung hai bên đều không đề nghị. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Công văn số 5431/QLXNC-P5 ngày 15/3/2022 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định bà Bùi Thị Thanh D có thông xin xuất cảnh ngày 18/2/2021 qua cửa khẩu nội bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh T, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn hiện đang lao động xuất khẩu ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh T để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn đã nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án và đã có đơn đề nghị gửi Tòa án, thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tuy nhiên văn bản trả lời quan điểm của chị Bùi Thị Thanh D không có xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài, anh T đã yêu cầu giám định chữ viết của chị D trong văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án. Ngày 08/01/2022 Tòa án ra quyết

định trưng cầu giám định đối với chữ viết của chị Bùi Thị Thanh D làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án. Ngày 09/3/2022 Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh T ra kết luận giám định số 447/KL-KTHS kết luận chữ ký "D" và chữ viết mang tên Bùi Thị Thanh D trên các mẫu cần giám định do cùng một người viết ra. Do vậy có đủ căn cứ xác định văn bản trả lời quan điểm của chị Bùi Thị Thanh D gửi về là của chị D viết ra.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Hoàng Văn T và chị Bùi Thị Thanh D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh T, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Từ đầu năm 2021 do chị D đi lao động xuất khẩu nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, quan điểm sống vợ chồng không đồng nhất. Chị D hiện đi lao động xuất khẩu ở nước M. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D. Chị D cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm, anh T ly hôn chị D hoàn toàn nhất trí.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị D đã trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh T xin ly hôn, chị D hoàn toàn nhất trí. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T. Cho anh T được ly hôn với chị D là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Hạnh V, sinh ngày 11/8/2016. Khi ly hôn anh T và chị D thỏa thuận chị D được trực tiếp nuôi con chung, về cấp dưỡng anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Xét thấy các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con và cấp dưỡng, sự thỏa thuận là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh T xác định không có, phía chị D không có lời khai bằng văn bản nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[5] Án phí: Anh T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về lệ phí chi phí tố tụng: Anh T phải chịu 3.300.000đồng lệ phí giám định. (Anh T đã nộp đủ và chi hết)

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; Điều37;Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Văn T đối với chị Bùi Thị Thanh D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị Thanh D.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Hạnh V, sinh ngày 11/8/2016 cho chị Bùi Thị Thanh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung Hoàng Hạnh V, sinh ngày 11/8/2016 cho chị Bùi Thị Thanh D là 3.000.000 đồng/tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000061 ngày 30/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh T. Anh Tưởng phải chịu 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh T.

Về lệ phí chi phí tố tụng: Anh T phải chịu 3.300.000đồng lệ phí giám định chữ viết. (Anh T đã nộp đủ và chi hết)

Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- CụcTHADS tỉnh;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hồng Phương